TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 323/2023/DS - PT
Ngày: 13/12/2023
V/v: "Đòi lại đất bị lấn chiếm và phản tố yêu cầu huỷ GCNQSDĐ và bồi thường danh dự bị xâm phạm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trương Công Thi**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Cường**

ông **Phạm Văn Hợp**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trần Xuân Lộc** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 210/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc *"Đòi lại đất bị lấn chiếm và phản tố yêu cầu huỷ GCNQDSĐ và bồi thường danh dự bị xâm phạm"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 376/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1944; địa chỉ: số G đường C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; tạm trú: thôn V, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Bị đơn: ông Lê Viết T, sinh năm 1956; địa chỉ: số G, quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: bà Lê Thị H, sinh năm 1959; địa chỉ: số A, đường N, tổ dân phố N, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người kháng cáo:*** ông Nguyễn Quang V; bà Lê Thị H là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Lê Viết T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Nguyễn Quang V ***(viết tắt là nguyên đơn) trình bày:***

Nguyên đơn là em ruột cụ bà Nguyễn Thị L (cụ L là mẹ đẻ ông Lê Viết T), do có nhu cầu nhận chuyển nhượng đất để làm nhà thờ họ Nguyễn nên nguyên đơn đã bàn bạc với vợ chồng chị gái là ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị L về việc làm nhà thờ họ N và được ông Q, bà L thống nhất. Năm 2002, nguyên đơn thực hiện việc nhận chuyển nhượng 340m^2 đất, tại thửa đất số 476, tờ bản đồ số 9 xã V, huyện Q từ ông Q, bà L; hai bên thống nhất giá trị chuyển nhượng diện tích đất nói trên là 10.000.000 đồng, nguyên đơn đã thanh toán cho ông Q, bà L 5.000.000 đồng, sau đó nguyên đơn mang tiền đến trả tiếp số tiền còn lại nhưng gia đình ông Q không nhận với lý do không đồng ý việc chuyển nhượng đất cho nguyên đơn nữa. Tuy nhiên, năm 2002 hai bên đã thực hiện hợp đồng chuyển nhượng có chứng thực của UBND xã V, nên sau đó nguyên đơn đã được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số V 688981 ngày 24/01/2003 và ông Q là người giữ GCNQSDĐ này không trả lại cho nguyên đơn; năm 2016 nguyên đơn đã trình báo xin cấp đổi lại GCNQSDĐ và đã được UBND huyện Q cấp lại GCNQSDĐ số CI 976681 ngày 31/10/2017 với diện tích 344,1m^2 tại thửa đất số 722, tờ bản đồ số 64 xã V, huyện Q. Năm 2018 nguyên đơn xây dựng nhà thờ họ Nguyễn, năm 2022 ông Lê Viết T (ông T con trai ông Q, bà L) đã xây dựng tường rào lấn chiếm sang đất của nguyên đơn 61m^2 nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Lê Viết T trả lại diện tích đất đã lấn chiếm.

- Tại Đơn phản tố, Bản tự khai của ông Lê Viết T ***và tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của ông*** T ***(viết tắt là bị đơn) trình bày:***

Năm 1991 bố mẹ bị đơn là ông Lê Văn Q (chết năm 2017), bà Nguyễn Thị L (chết năm 2009) được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ lần đầu số A 852140 ngày 05/9/2001, với diện tích 1.770m^2 tại thửa đất số 476, tờ bản đồ số 9 xã V; năm 2002 ông Nguyễn Quang V là em ruột mẹ bị đơn đề nghị chuyển nhượng 100m^2 đất để xây dựng nhà thờ họ Nguyễn với số tiền 12.000.000 đồng, lúc đó bố mẹ bị đơn đã 71 tuổi không còn minh mẫn nhưng tại hợp đồng chuyển

nhượng lập ngày 15/10/2002 đã chuyển nhượng cho nguyên đơn thửa đất số 476b (thửa đất này tách ra từ thửa đất số 476), tờ bản đồ số 9 xã V, với diện tích 340m^2 (60m^2 đất ở, 280m^2 đất vườn). Năm 2009, bố bị đơn phát hiện GCNQSDĐ của UBND huyện Q cấp cho nguyên đơn có diện tích không phải 100m^2 như đã thoả thuận ban đầu nên đã trình báo UBND xã V và nguyên đơn nhưng không được giải quyết; nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu của bố bị đơn và buộc bố bị đơn trả lại GCNQSDĐ đã cấp cho nguyên đơn, sau đó nguyên đơn viết truyện ngắn "Chị H1" có nội dung xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm đến gia đình bị đơn. Năm 2017, khi biết nguyên đơn được cấp đổi GCNQSDĐ bị đơn đã khiếu nại nhiều lần đối với việc cấp GCNQSDĐ cho nguyên đơn không đúng quy định và đến ngày 31/5/2023 bị đơn phản tố yêu cầu huỷ GCNQSDĐ của UBND huyện Q đã cấp cho nguyên đơn, buộc nguyên đơn phải bồi thường 2.000.000 đồng do đã viết truyện ngắn "Chị H1" có nội dung xúc phạm danh dự, nhân phẩm đến gia đình bị đơn.

- Tại Công văn số 777/VPĐK ngày 04/8/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Q ***và Công văn số 905/UBND – TNMT ngày 08/8/2023,*** Ủy ban nhân dân huyện Q ***cùng nội trình bày:***

Ngày 05 tháng 9 năm 1991 ông Lê Văn Q được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ lần đầu số A 852140 với diện tích 1770m^2 tại thửa đất số 476, tờ bản đồ số 9 xã V. Ngày 15/10/2022 ông Q, bà L chuyển nhượng cho ông Nguyễn Quang V 340m^2 đất (60m^2 đất ở và 280m^2 đất vườn). Đối với GCNQSDĐ của ông Q được xác nhận tại trang 4 vào ngày 24/01/2003 về diện tích đất còn lại là 1.430m^2 đất (140m^2 đất ở và 1.290m^2 đất vườn); thửa đất này sau đó được chỉnh lý thành thửa đất số 721, tờ bản đồ số 64 xã V với diện tích 1.449,3m^2 đất. Ngày 06/12/2009 ông Lê Viết T được Sở T cấp GCNQSDĐ số CT 705133 với diện tích 1.449,3m^2, tại thửa đất số 721, tờ bản đồ số 64 xã V.

Ngày 24/01/2003 UBND huyện Q ban hành Quyết định số 43/QQD – UB về việc thu hồi 340m^2 đất (60m^2 đất ở và 280m^2 đất vườn) tại thửa đất số 476, tờ bản đồ số 9 xã V của ông Lê Văn Q để giao cho ông Nguyễn Quang V, sau đó ông V được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 476b, tờ bản đồ số 9 xã V với diện tích 340m^2 đất (60m^2 đất ở và 280m^2 đất vườn); sau đó thửa đất này được chỉnh lý thành thửa đất số 722, tờ bản đồ số 64 xã V, với diện tích 344,1m^2 đất. Ngày 31/10/2017, UBND huyện Q ban hành Quyết định số 176/QĐ – UB về việc huỷ và cấp lại GCNQSDĐ, trong đó cấp lại cho ông V GCNQSDĐ số CI 976681 với diện tích 344,1m^2 đất, tại thửa đất số 722, tờ bản đồ số 64 xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. UBND huyện Q đề nghị không chấp nhận việc phản tố yêu cầu huỷ GCNQSDĐ của bị đơn; Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Q đề nghị giải quyết theo pháp luật.

- UBND xã V ***không có ý kiến bằng văn bản và không cử người tham gia tố tụng.***

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Áp dụng Điều 34, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 200 và Điều 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 96, điểm c, d khoản 1 Điều 100 và Điều 203 Luật Đất đai 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quang V về việc yêu cầu ông Lê Viết T trả lại 61m2 đất đã lấn chiếm tại thửa đất số 722, tờ bản đồ số 64 xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

2. Không chấp nhận đơn phản tố của ông Lê Viết T về việc yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 976681 ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Q cấp cho ông Nguyễn Quang V, với diện tích 344,1m^2 đất, tại thửa đất số 722, tờ bản đồ số 64 xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình và bồi thường 2.000.000 đồng do viết truyện ngắn "Chị H1" có nội dung xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm gia đình ông.

3. Ông Nguyễn Quang V được quản lý, sử dụng 8,5m^2 đất tại các điểm 15, 12, 14; thuộc thửa đất số 721, tờ bản đồ số 64 xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình và được nhận tại ông Lê Viết T 36.720.000 đồng (ba mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

4. Ông Lê Viết T được quản lý, sử dụng 69,7m^2 tại các điểm 6, 4, 19, 21, 15, 16, 17, 18; thuộc thửa đất số 722, tờ bản đồ số 64 xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình nhưng ông T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Quang V 36.720.000 đồng (ba mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng). *(có Sơ đồ kèm theo)*

5. Ông Nguyễn Quang V và ông Lê Viết T có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký biến động sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

6. Kiến nghị Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Q và Ủy ban nhân dân huyện Q điều chỉnh tờ bản đồ số 64 xã V liên quan đến việc sử dụng đất tại thửa đất số 721 và 722 tờ bản đồ số 64 xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/9/2023 ông Nguyễn Quang V *và bà* Lê Thị H *là người đại diện theo ủy quyền của ông* Lê Viết T *bị đơn, có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm, cụ thể:*

- Lý do kháng cáo của ông Nguyễn Quang V cho rằng, ông không đồng ý nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên trả cho ông giá trị 61m^2 đất, nay ông yêu cầu bị đơn phải trả lại hiện vật diện tích đất nói trên.

- Lý do kháng cáo của bà Lê Thị H đại diện theo ủy quyền của ông Lê Viết T bị đơn không đồng ý với Quyết định của Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố, sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Quang V và bà Lê Thị H đại diện theo ủy quyền của ông Lê Viết T đều giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, hủy một phần Bản án sơ thẩm đối với phần nội dung phản tố của bị đơn về yêu cầu bồi thường 2.000.000 đồng do nguyên đơn viết truyện ngắn "Chị H1", có nội dung xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm gia đình bị đơn; không chấp nhận các nội dung kháng cáo còn lại của ông Nguyễn Quang V, nguyên đơn và kháng cáo của bà Lê Thị H, đại diện theo ủy quyền của ông Lê Viết T, bị đơn, giữ nguyên các phần còn lại của Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xem xét kháng cáo của ông Nguyễn Quang V, nguyên đơn và bà Lê Thị H đại diện theo ủy quyền của ông Lê Viết T Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về vi phạm thủ tục tố tụng: Ngày 04/7/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý đơn khởi kiện của ông Nguyễn Quang V về việc *"Đòi lại đất bị lấn chiếm" và* đơn phản tố của bị đơn ông Lê Viết T yêu cầu *"Huỷ GCNQDSĐ và bồi thường danh dự bị xâm phạm"*. Tại thông báo thụ lý vụ án *(bút lục số 117)* của TAND tỉnh Quảng Bình đã thụ lý các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời với việc thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn trong cùng một thời điểm là không đúng trình tự theo quy định tại các Điều 195, 196, 200, 202 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết yêu cầu phản tố về *"Bồi thường danh dự bị xâm phạm";* xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu phản tố này trong cùng vụ án nói trên là không đúng quy định tại khoản 2, Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự. Bởi lẽ, đây là một quan hệ pháp luật độc lập, có nội dung không liên quan đến quan hệ pháp luật do nguyên đơn khởi kiện cũng như bị đơn phản tố, không thể bù trừ hoặc loại trừ nghĩa vụ của nguyên đơn; mặc khác, về nội dung, cần phải có một cơ quan chuyên môn có trách nhiệm, thẩm quyền về tác phẩm văn học thẩm định tác phẩm "Chị H1" mới có cơ sở đánh giá việc ảnh hưởng đến nhân phẩm danh dự đối với gia đình bị đơn, từ đó Hội đồng xét xử mới có cơ sở chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của bị đơn. Do vi phạm tố tụng và chưa có cơ sở đánh giá, xem xét về nội dung nên Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy một phần Bản án sơ thẩm đối với phần nội dung phản tố của bị đơn về yêu cầu bồi thường 2.000.000 đồng do nguyên đơn viết truyện ngắn "Chị H1" có nội dung xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm gia đình bị đơn, giao Tòa án

nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết lại một phần nội dung nêu trên của Bản án sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

[1.2]. Đối với những nội dung khởi kiện hoặc phản tố còn lại, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thẩm quyền, thời hiệu giải quyết vụ án theo quy định tại các điều 26, 34, 37, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

- Tại phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ 02, có một số đương sự vắng mặt, kiểm tra việc tống đạt Giấy triệu tập đã được tống đạt hợp lệ, hơn nữa khi hoãn phiên tòa lần 01, Hội đồng xét xử đã thông báo trực tiếp cho các đương sự, do vậy, Hội đồng xét xử giải quyết, xét xử đối với vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xem xét về nguồn gốc thửa đất có tranh chấp: Thửa đất tranh chấp có nguồn gốc là của vợ chồng ông Lê Văn Q (chết năm 2017) và bà Nguyễn Thị L (chết năm 2009), ông Q, bà L được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ lần đầu số A 852140 ngày 05/9/2001, với diện tích 1.770m^2 tại thửa đất số 476, tờ bản đồ số 9 xã V. Đến năm 2002 ông Q, bà L chuyển nhượng cho ông V một phần diện tích 340m^2 trong thửa đất nói trên, ngày 15/10/2002, ông V được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ số CI 976681 với diện tích 340m2 tại thửa đất số 476b, tờ bản đồ số 9 xã V (bút lục số 109 và 110). Đến ngày 31 tháng 10 năm 2017, ông V được cấp đổi GCN với diện tích 344,1m2 đất, tại thửa đất số 722, tờ bản đồ số 64 xã V. Sau khi nhận chuyển nhượng, năm 2018 ông V đã xây dựng nhà thờ trên thửa đất nhận chuyển nhượng.

Đối với số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn thiếu giữa ông V với ông Q, bà L thì phía bị đơn không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm đã tách ra giải quyết bằng quan hệ dân sự khác nếu các đương sự có yêu cầu nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Đối với phần diện tích đất còn lại, ông Lê Viết T được nhận thừa kế của ông Q, bà L, ngày 06 tháng 12 năm 2019 ông Lê Viết T được Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Q cấp GCNQSDĐ số CT 705133 với diện tích 1.449,3m2 tại thửa đất số 721, tờ bản đồ số 64 xã V (bút lục số 207 và 208).

[2.2] Theo hồ sơ xem xét, thẩm định ngày 04/8/2023, tại các thửa đất có tranh chấp nhận thấy: Diện tích đất nguyên đơn, bị đơn dẫn đạc, theo tờ bản đồ số 64 xã V và GCNQSDĐ cấp cho nguyên đơn, bị đơn thì diện tích đất tranh chấp được xác định tại hai vị trí; vị trí 1 tại các điểm 6, 4, 19, 21, 15, 16, 17 và 18 có diện tích 69,7m2 đất; vị trí 2 tại các điểm 15, 12 và 14 có diện tích 8,5m2. Theo kết quả thẩm định thì bị đơn xây tường rào lấn chiến đất của nguyên đơn tại vị trí 1 với diện tích 69,7m2 đất; diện tích đất bị đơn xây dưng tường rào không hết diện tích đất của mình 8,5m^2 tại các điểm 15, 12 và 14 (tại vị trí này nguyên đơn xây dựng nhà thờ có một phần diện tích tường và mái nhà phía Đông nằm trên đất của bị đơn).

Xét thấy, sau khi ông V nhận đất chuyển nhượng, ông V đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và được cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật; sau khi

đã xây dựng nhà cửa, công trình trên đất xong mới xảy ra tranh chấp; trước khi ông V xây dựng nhà thờ, cả phía ông V và ông T đều không yêu cầu cơ quan quản lý đất đai đo đạc, xác định lại vị trí chính xác của các thửa đất đã chuyển nhượng cũng như phần đất còn lại theo đúng diện tích tại các GCNQSDĐ đã cấp, dẫn đến việc xây dựng không đúng với ranh giới của các thửa đất theo các GCNQSDĐ, hai bên đều có lỗi trong việc xác định ranh giới. Nay việc xây dựng các công trình trên đất đã hoàn thành, hai bên xảy ra tranh chấp Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định cụ thể về diện tích, ranh giới của các thửa đất, đồng thời xác định hiện trạng phần đất sử dụng của ông T nằm trong phần đất của ông V có diện tích 69,7m^2, phần đất sử dụng của ông V nằm trong phần đất được cấp GCNQSDĐ của ông T có diện tích 8,5m^2, giữa 02 thửa đã có tường rào xây dựng kiên cố, nhằm không ảnh hưởng gì đến kết cấu nhà cửa cũng như mỹ quan nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hiện trạng đã xây dựng để đối trừ cho hai bên, buộc ông T trả cho ông V giá trị phần diện tích 61 m^2, đồng thời xác định ông T được quyền sử dụng diện tích 8,5m^2 đất nêu trên là phù hợp và ổn định, trường hợp xác định lại theo các GCN được cấp sẽ ảnh hưởng đến cả hai bên đương sự.

[2.3]. Đối với việc bị đơn yêu cầu huỷ GCNQSDĐ của UBND huyện Q cấp cho nguyên đơn, xét thấy: Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa vợ chồng ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị L với ông Nguyễn Quang V là đúng với ý chí của hai bên, phù hợp quy định của pháp luật, đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉnh lý biến động, cấp và cấp đổi lại GCNQSDĐ, sau khi cấp GCN thì phía bị đơn nhận và giữ nên thời hiệu khởi kiện theo quy định của Luật tố tụng hành chính đã hết, quá trình phản tố yêu cầu hủy GCNQSDĐ theo quy định tại Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng phía bị đơn không chứng minh được quyết định hành chính trên là trái pháp luật. Do vậy, tại Bản án sơ thẩm, không chấp nhận hủy GCNQSDĐ số CI 976681 do UBND huyện Q cấp ngày 31/10/2017 cho ông V là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy tại Bản án sơ thẩm đã tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quang V, buộc ông T phải trả lại giá trị 61m^2 đất cho ông V tương ứng số tiền 36.720.000 đồng, ông V được quản lý, sử dụng 8,5m^2; ông Lê Viết T được quản lý, sử dụng 69,7m^2 *(theo như sơ đồ đã xác định)*; không chấp nhận đơn phản tố của ông Lê Viết T về việc hủy GCNQSDĐ cấp cho ông V, là có căn cứ pháp luật và hợp tình, hợp lý, Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị H đại diện theo ủy quyền của ông Lê Viết T về nội dung*"Bồi thường danh dự bị xâm phạm";* không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quang V và bà Lê Thị H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Viết T; về các nội dung còn lại, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

[3]. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền và nghĩa vụ thi hành án, hậu quả chậm thi hành án, trường hợp phải thi hành Bản án và Kiến nghị đối với Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Q và Ủy ban nhân dân huyện Q, tại Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn, bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị H là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Viết T về nội dung "Bồi thường danh dự bị xâm phạm"*;* Không chấp nhận kháng cáo của bà H về các phần còn lại của Bản án sơ thẩm; Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quang V về việc yêu cầu bị đơn phải trả lại hiện vật diện tích đất 61m^2 đất bằng hiện vật.

[1]. Hủy một phần Bản án sơ thẩm đối với phần nội dung phản tố của bị đơn về yêu cầu bồi thường danh dự, nhân phẩm số tiền 2.000.000 đồng do nguyên đơn viết truyện ngắn "Chị H1", có nội dung xúc phạm đến gia đình bị đơn.

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết lại một phần nội dung của Bản án sơ thẩm bị hủy theo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Áp dụng khoản 1 Điều 96; điểm c, d khoản 1 Điều 100 và Điều 203 Luật Đất đai 2013:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quang V về việc yêu cầu ông Lê Viết T trả lại 61m2 đất, tại thửa đất số 722, tờ bản đồ số 64 xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

2. Ông Nguyễn Quang V được quản lý, sử dụng 8,5m^2 đất tại các điểm điểm 15, 12, 14 thuộc thửa đất số 721, tờ bản đồ số 64 xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình và được nhận tại ông Lê Viết T 36.720.000 đồng *(ba mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng)*.

3. Ông Lê Viết T được quản lý, sử dụng 69,7m2 tại các điểm 6, 4, 19, 21, 15, 16, 17, 18 thuộc thửa đất số 722, tờ bản đồ số 64 xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (Có sơ đồ kèm theo Bản án phúc thẩm).

4. Buộc ông Lê Viết T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Quang V 36.720.000 đồng *(ba mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng)*.

5. Không chấp nhận đơn phản tố của ông Lê Viết T về việc yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 976681 ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Q cấp cho ông Nguyễn Quang V, với diện tích 344,1m^2 đất, tại thửa đất số 722, tờ bản đồ số 64 xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

6. Ông Nguyễn Quang V và ông Lê Viết T có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký biến động sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

7. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền và nghĩa vụ thi hành án, hậu quả chậm thi hành án, trường hợp phải

thi hành Bản án, kiến nghị Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Q và Ủy ban nhân dân huyện Q tại Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: ông Nguyễn Quang V, ông Lê Viết T được miễn án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Thi